CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia

Ngày 30/06/2025	12,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**1.6%**	**4.6%**

DT thuần
Q2/25
529
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 49.0| 10.2%
YoY: ▲ 100| 23.3%

LN thuần
Q2/25
17.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.2| 240%
YoY: ▼18.1| -51.0%

LN sau thuế
Q2/25
12.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.58| 244%
YoY: ▼14.0| -53.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
7.3%
YoY: +/-▲ 3.1%

ROE (TTM)
Q2/25
5.4%
YoY: +/-▼ 2.1%

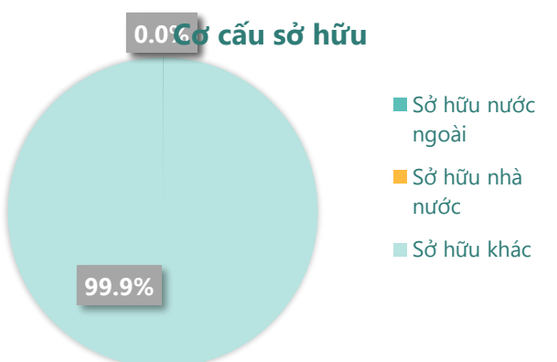
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,450 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	567
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,443
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.43
EPS	924
P/E	13.6

DT thuần
6T 2025
1,009
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 201| 24.8%

LN thuần
6T 2025
22.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼37.3| -62.4%

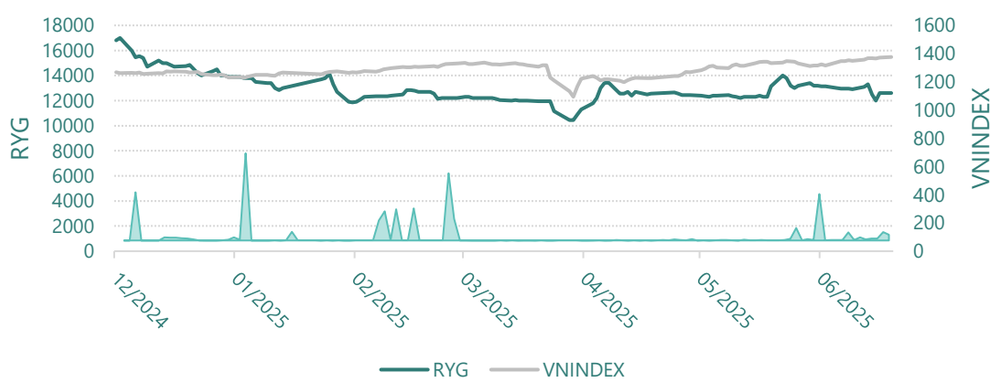
LN sau thuế
6T 2025
15.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.5| -65.3%

Cơ cấu sở hữu

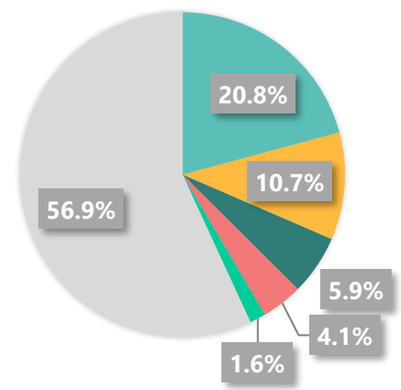


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

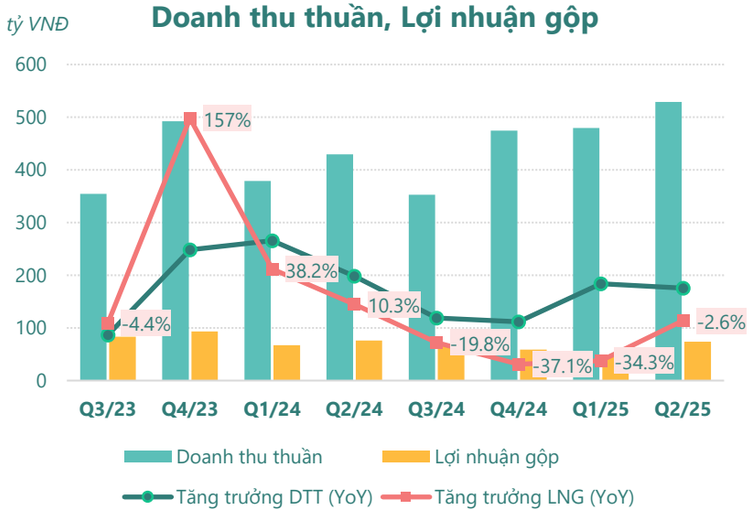


- Đinh Việt Anh (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Lê
- Lê Thị Vi Na
- Phan Bá Hiệu (Phó Tổng giám đốc)
- Trịnh Xuân Hùng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

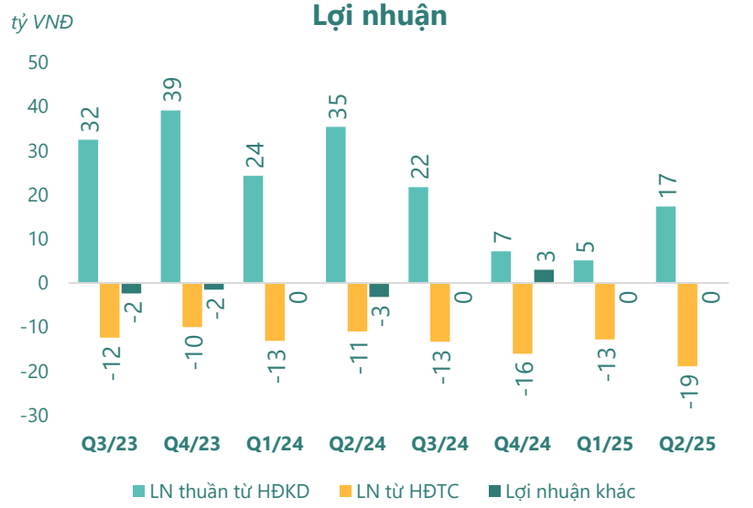
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



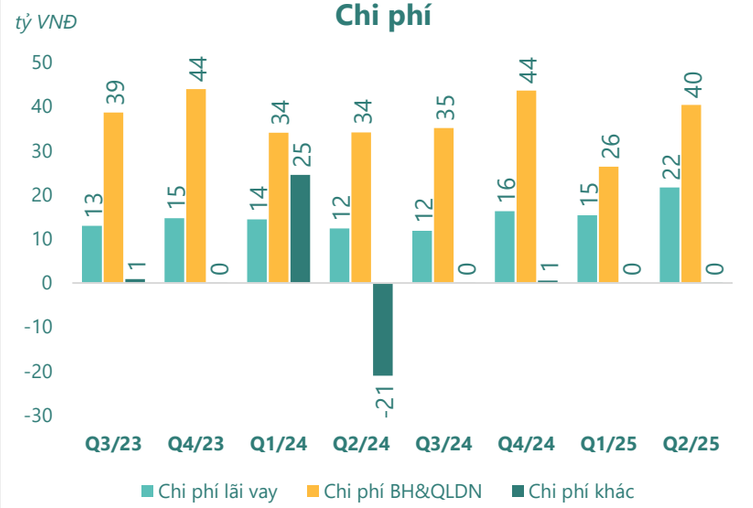
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



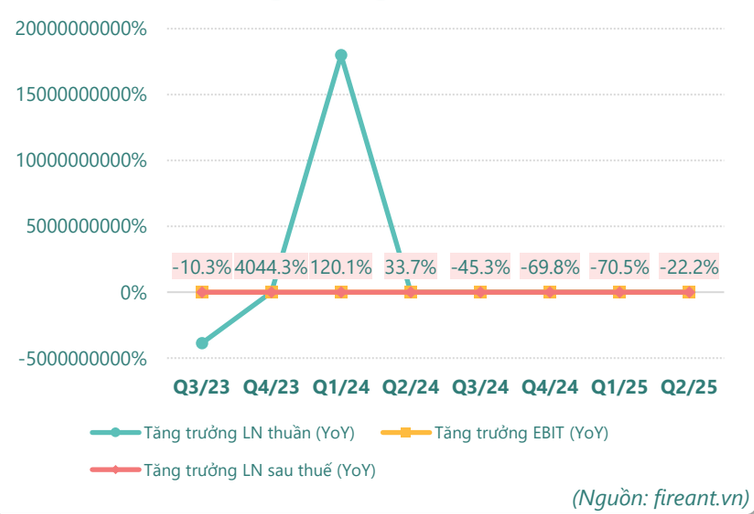
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



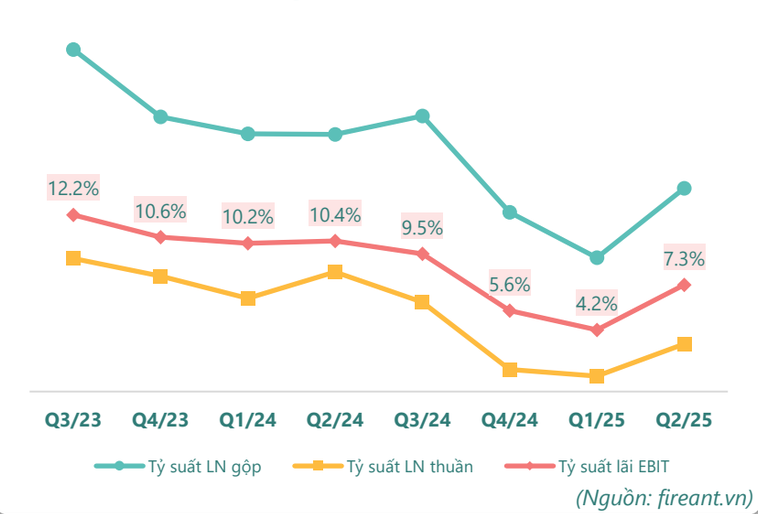
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



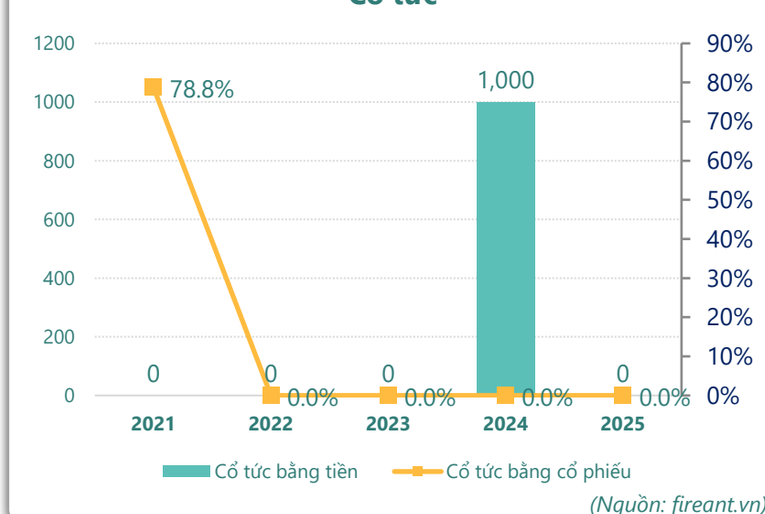
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

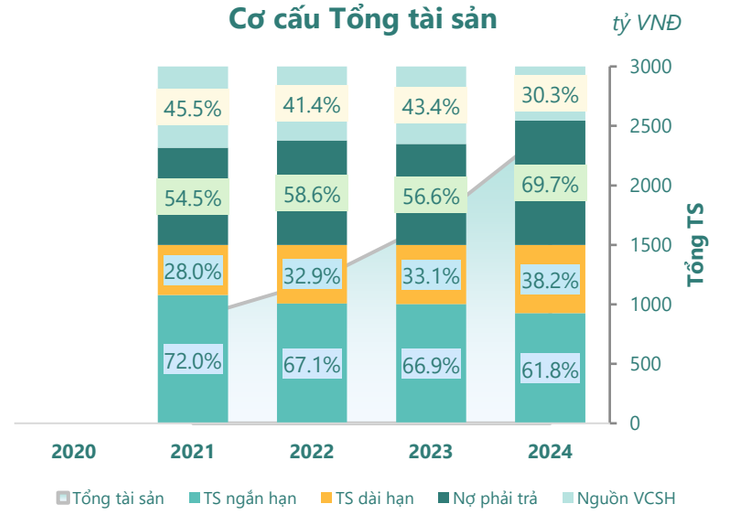
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

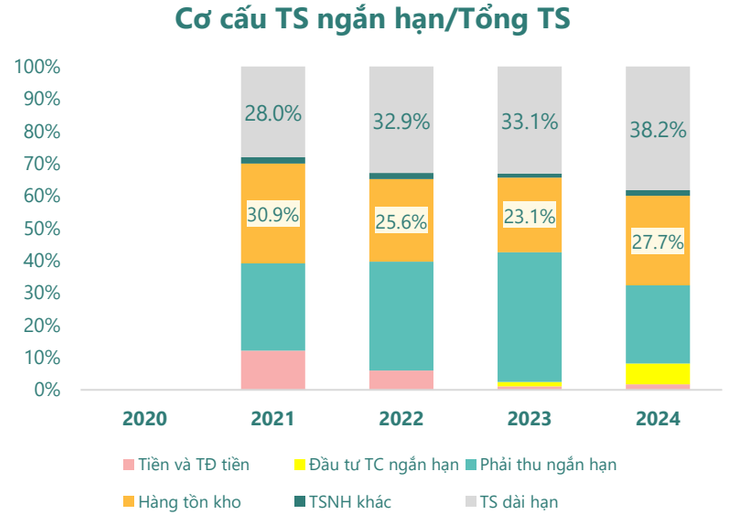
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



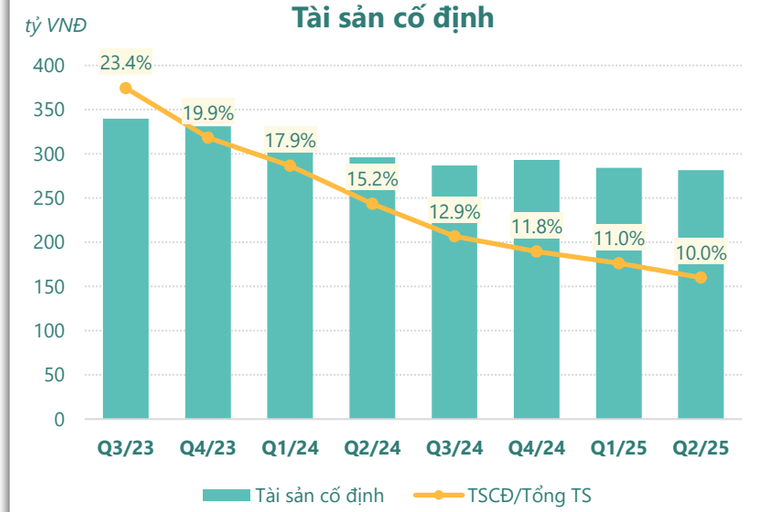
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



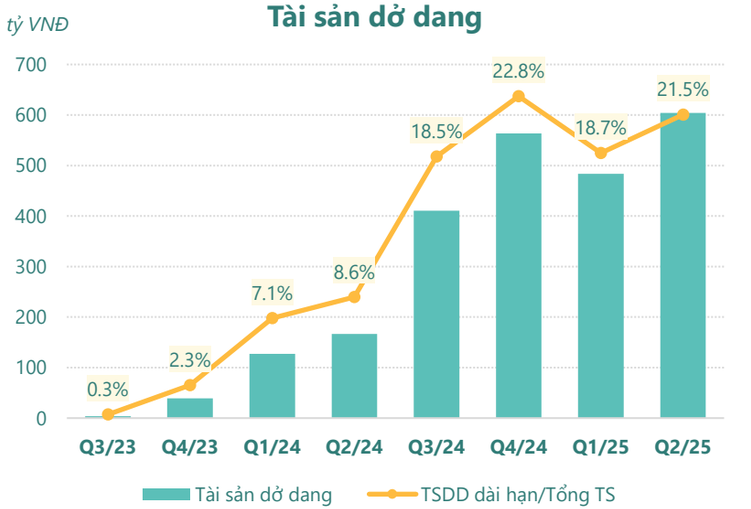
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



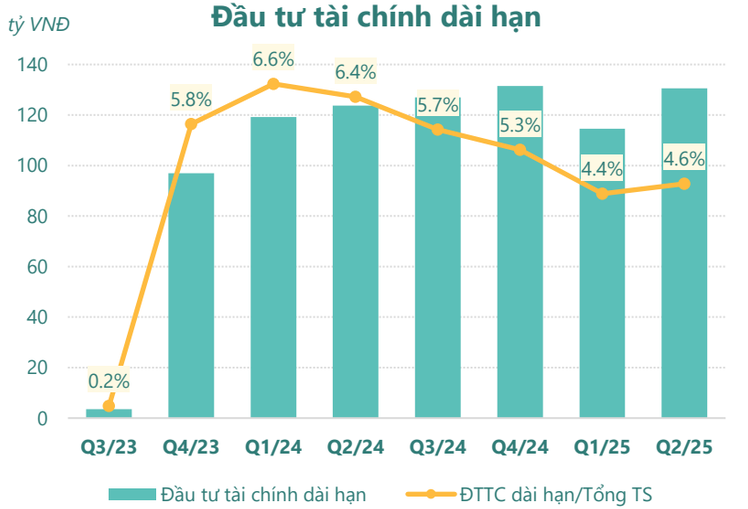
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



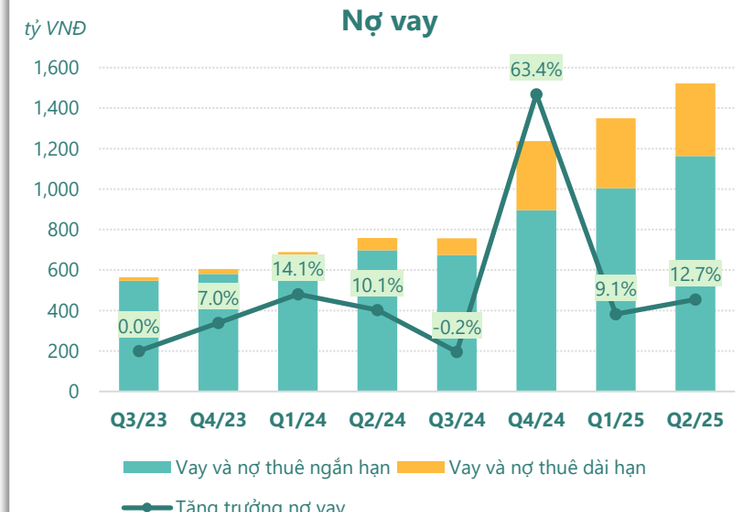
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

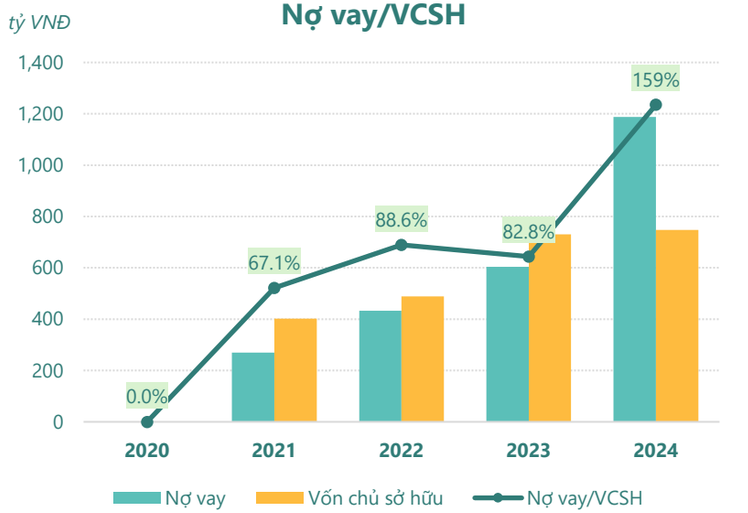
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

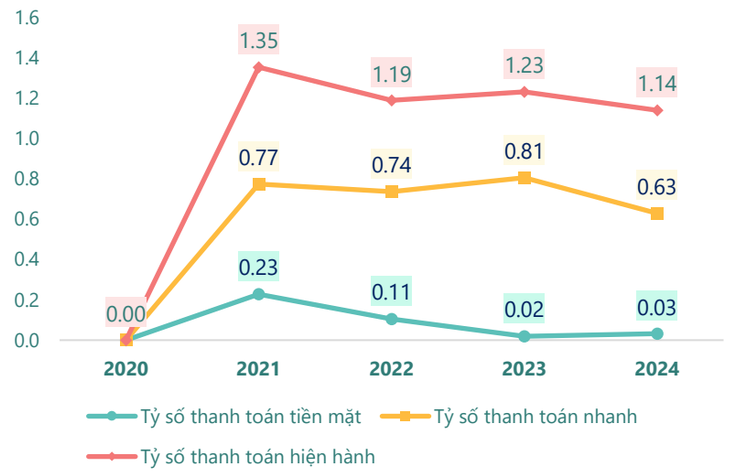
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



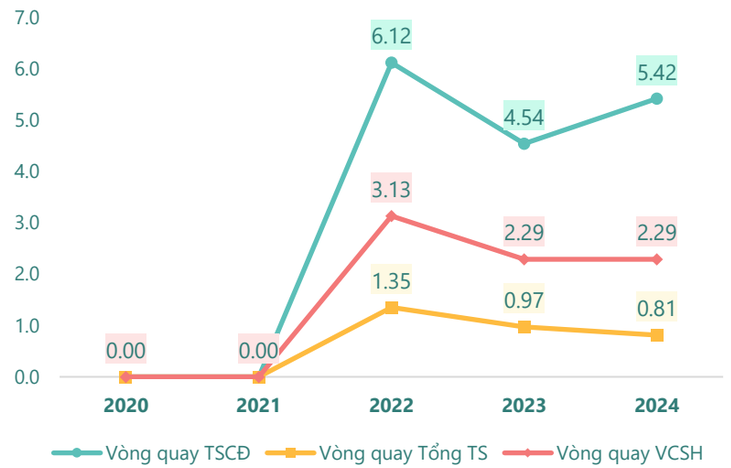
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



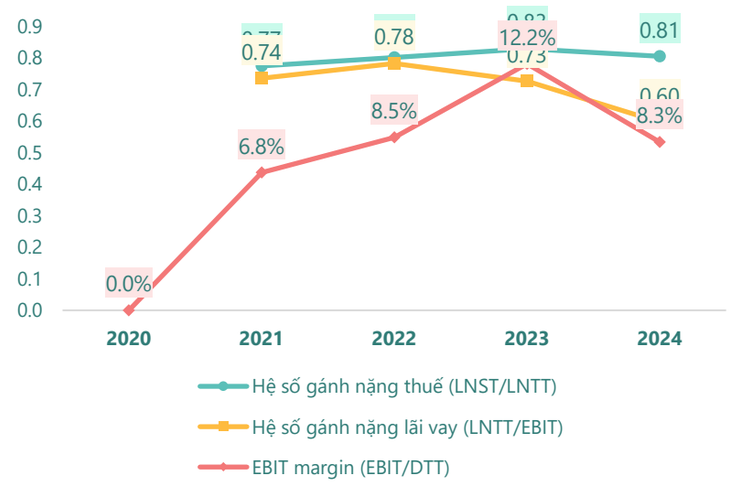
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



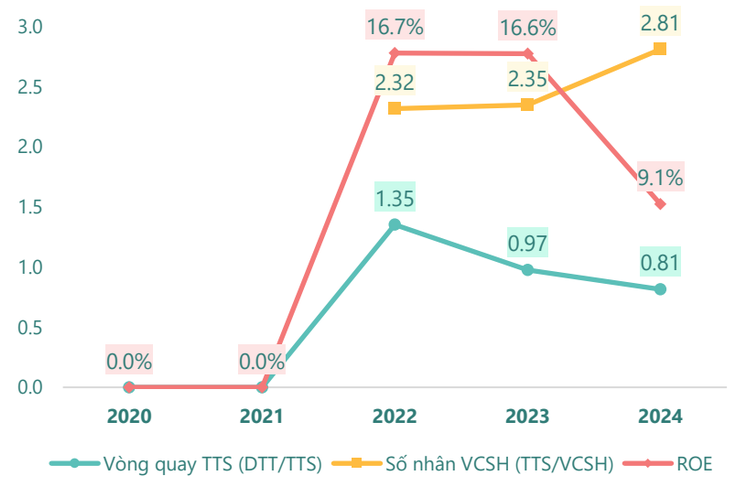
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



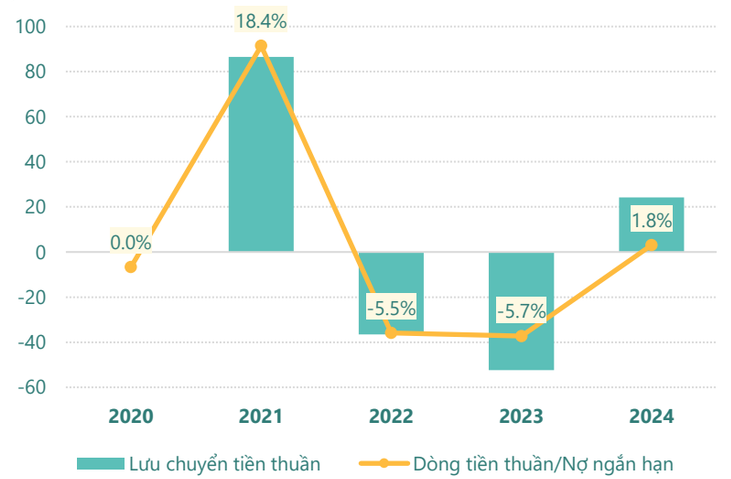
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**529**	**429**	**23.3%**	**1,009**	**808**	**24.8%**
Giá vốn hàng bán	455	353	28.9%	890	665	33.9%
Lợi nhuận gộp	74.1	76.1	-2.6%	118	143	-17.5%
Doanh thu HĐTC	2.58	5.20	-50.3%	6.07	7.41	-18.1%
Chi phí TC	21.5	16.2	32.6%	37.7	31.5	19.7%
Chi phí lãi vay	21.7	12.4	74.6%	37.0	26.8	38.2%
LN trong công ty LKLD	**2.51**	**4.48**	**-43.9%**	**2.54**	**8.72**	**-70.8%**
Chi phí bán hàng	24.8	19.2	29.2%	34.0	37.6	-9.6%
Chi phí QLDN	**15.6**	**15.0**	**3.8%**	**32.8**	**30.6**	**7.0%**
LN thuần từ HĐKD	17.3	35.4	-51.0%	22.4	59.7	-62.4%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**-3.19**	**96.4%**	**-0.21**	**-3.24**	**93.5%**
LN trước thuế	17.2	32.2	-46.5%	22.2	56.5	-60.7%
Lợi nhuận sau thuế	**12.1**	**26.1**	**-53.6%**	**15.6**	**45.1**	**-65.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.2**	**26.5**	**-54.0%**	**15.6**	**45.1**	**-65.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.1	-70.0	355	-138	-144	7.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-84.5	-7.59	-343	-10.1	-43.3	-191
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	58.8	71.8	-1.92	171	153	182
Tiền đầu kỳ	17.9	13.6	8.59	18.5	42.2	7.21
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.63**	**-5.71**	**9.86**	**22.4**	**-35.1**	**-1.28**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.71	0.71	0	1.40	0.07	-0.02
Tiền cuối kỳ	13.6	8.59	18.5	42.2	7.21	5.91

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,814**	**2,471**	**13.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,747	1,526	14.5%
Tiền và tương đương tiền	5.91	42.2	-86.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	243	158	53.5%
Phải thu ngắn hạn	772	599	28.9%
Hàng tồn kho	691	684	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	35.5	42.9	-17.1%
Tài sản dài hạn	**1,067**	**945**	**12.9%**
Phải thu dài hạn	6.27	6.25	0.4%
Tài sản cố định	281	293	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	604	460	31.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	131	131	-0.3%
Tài sản dài hạn khác	**38.4**	**47.4**	**-19.0%**
Lợi thế thương mại	6.47	6.94	-6.7%
Nợ phải trả	2,059	1,723	19.5%
Nợ ngắn hạn	**1,666**	**1,338**	**24.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,163	864	34.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	349	279	25.3%
Nợ dài hạn	394	385	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	359	323	11.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**755**	**748**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**755**	**748**	**0.9%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)